TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **17**/2023/DSST Ngày 17 tháng 02 năm 2023 *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Bà **Ngô Bích Liên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy**– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2023/TL-DSST ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX – ST ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thủy L, sinh năm 1976. Hộ khẩu thường trú: Mã Mây, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Bà L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Trịnh Việt Q, sinh năm 1976 và bà Lưu Thị Thu H, sinh năm 1976. Cùng đăng ký HKTT: Đội Cấn, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ông Q, bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, cũng như các bản khai nguyên đơn trình bày:

Bà L và vợ chồng Ông Trịnh Việt Q, bà Lưu Thị Thu H có mối quan hệ bạn bè thân thiết khoảng 30 năm nay. Ngày 26/07/2018, bà có cho vợ chồng Ông Q, bà H

vay số tiền là: 4.540.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 26/7/2018. Sau khi ký giấy vay tiền bà đã giao đầy đủ số tiền 4.540.000.000 đồng cho Ông Q, bà H. Trong giấy vay tiền ngày 26/7/2018 thể hiện vợ chồng Ông Q, bà H sẽ trả cho bà số tiền 540.000.000 đồng vào ngày 03/8/2018. Số tiền còn lại sẽ thanh toán trong các tháng tiếp theo hoặc khi bà có yêu cầu và báo trước 10 ngày.

Sau khi ký giấy vay tiền, Ông Q và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Bà L.

Nay Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: Buộc Ông Trịnh Việt Q, bà Lưu Thị Thu H phải thanh toán ngay cho Bà Ngô Thị Thủy L số tiền nợ gốc: 4.540.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh được tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình là 12,7% kể từ ngày 03/8/2018 đến ngày 16/01/2023 là: 3.227.469.919 đồng; và lãi 10% từ ngày 17/01/2023 đến ngày 17/02/2023 là: 39.802.740 đồng. Tổng cộng là: 7.786.885.704 đồng.

Ngoài ra bà không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/01/2023 bị đơn: Ông Trịnh Việt Q và bà Lưu Thị Thu H thống nhất trình bày:***

Vợ chồng Ông Trịnh Việt Q, bà Lưu Thị Thu H và Bà Ngô Thị Thủy L có mối quan hệ bạn bè thân thiết khoảng 30 năm nay. Ngày 26/07/2018, Bà L có cho vợ chồng Ông Q, bà H vay số tiền là: 4.540.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 26/7/2018. Sau khi ký giấy vay tiền, vợ chồng ông bà đã nhận đầy đủ số tiền 4.540.000.000 đồng từ Bà L. Trong giấy vay tiền thỏa thuận ngày 03/8/2018 vợ chồng ông bà sẽ trả cho Bà L số tiền 540.000.000 đồng. Số tiền còn lại sẽ thanh toán trong các tháng tiếp theo hoặc khi Bà L có yêu cầu và báo trước 10 ngày.

Tuy nhiên, vào thời điểm năm 2018 do tình hình dịch bệnh kéo dài, vợ chồng ông bà gặp khó khăn trong công việc kinh doanh, vì vậy vợ chồng ông bà không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Thị Thủy L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông bà trả cho Bà L số tiền nợ gốc: 4.540.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh được tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình là 12,7% kể từ ngày 03/8/2018 đến ngày 16/01/2023 là: 3.227.469.919 đồng. Tổng cộng là: 7.767.469.919 đồng.

Ông bà có ý kiến như sau: Ông bà xác nhận tạm tính đến ngày 16/01/2023, vợ chồng ông bà còn nợ Bà L số tiền là nợ gốc: 4.540.000.000 đồng; nợ lãi 3.227.469.919 đồng. Tổng cộng là: 7.767.469.919 đồng. Do hiện nay vợ chồng ông

bà gặp khó khăn về kinh tế chưa thu xếp được để trả nợ cho Bà L. Vì vậy, ông bà đề nghị Bà L tạo điều kiện để ông bà thu xếp kinh tế trả nợ dần cho Bà L.

Ông bà đã được Tòa án giải thích về yêu cầu phản tố, ông bà đã hiểu và không có yêu cầu phản tố.

Ngoài ra ông bà không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn không hòa giải được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tống đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của Bà L là có căn cứ nên chấp nhận.

Án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí, Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án thụ lý theo đơn khởi kiện của Bà Ngô Thị Thủy L đối với Ông Trịnh Việt Q và bà Lưu Thị Thu H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là Ông Trịnh Việt Q và bà Lưu Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 415 Đội Cấn, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Tại phiên tòa bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

[2] Về Nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp; các văn bản, tài liệu, chứng cứ do Toà án tiến hành thu thập, xác minh; đánh giá, xem xét các tài liệu khác. Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá, kết luận về vụ án như sau:

Về tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Thị Thủy L yêu cầu Ông Trịnh Việt Q và bà Lưu Thị Thu H có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 4.540.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 26/7/2018. Ông Q, bà H xác nhận có vay và viết giấy vay tiền ngày 16/7/2018, đồng thời đã nhận đủ số tiền 4.540.000.000 đồng từ Bà L. Xét thấy, Giấy vay tiền ngày 26/7/2018 các bên đều xác nhận và không có tranh chấp gì, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong Giấy vay tiền ngày 26/7/2018, các bên tự nguyện giao kết thực hiện và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy vay tiền, tại thời điểm ký Giấy vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định Giấy vay tiền ngày 26/7/2018 hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo Ông Q, bà H trình bày: Hiện nay vợ chồng ông bà gặp khó khăn về kinh tế chưa thu xếp được để trả nợ cho Bà L. Vì vậy, ông bà đề nghị Bà L tạo điều kiện để ông bà thu xếp kinh tế trả nợ dần cho Bà L, tuy nhiên yêu cầu này của Ông Q, bà H không được Bà L chấp nhận. Việc Ông Q và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/8/2018 đã xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của Bà L, nên Bà L khởi kiện yêu cầu trả khoản tiền nợ là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ. Do dó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Bà L buộc Ông Q, bà H phải trả cho Bà L số tiền nợ gốc 4.540.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Trong Giấy vay tiền ngày 26/7/2018 giữa Bà L và Ông Q, bà H không thỏa thuận về mức lãi suất.

Xét yêu cầu của Bà L yêu cầu Ông Q, bà H trả tiền lãi đối với số nợ gốc 4.540.000.000 đồng theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình là 12,7% kể từ ngày 03/8/2018 đến ngày 16/01/2023 là: 3.227.469.919 đồng. Hội đồng

xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Ông Q, bà H đều xác nhận về số tiền lãi nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác".*

Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, việc Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 26/07/2018 đến ngày 16/01/2023 là: 3.227.469.919 đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với số tiền lãi nêu trên.

Xét thấy: Từ thời điểm 16/01/2023 đến phiên tòa xét xử, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất chậm trả và trong Giấy vay tiền ngày 26/7/2018 giữa Bà L và Ông Q, bà H không thỏa thuận về mức lãi suất.

Căn cứ khoản 4 Điều 644 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".*

Như vậy, dù Giấy vay tiền ngày 26/7/2018 vay hai bên thỏa thuận không có lãi nhưng đến khi hết thời hạn trả nợ mà Ông Q, bà H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Bà L có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm (khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, việc Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm từ ngày 17/01/2023 đến ngày 17/02/2023 là: 39.802.740 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Quan điểm trình bày của nguyên đơn có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

- Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Vì các căn cứ nhận định trên của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 40, khoản 1 Điều 147; Điều 203; 266, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 357, 468, 488 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Bà Ngô Thị Thủy L đối với Ông Trịnh Việt Q và bà Lưu Thị Thu H.

- Buộc Ông Trịnh Việt Q và bà Lưu Thị Thu H phải trả cho Bà Ngô Thị Thủy L số tiền tạm tính đến ngày 17/02/2023 là: Nợ gốc **4.540.000.000** *(Bốn tỷ, năm trăm bốn mươi triệu)* đồng; Tiền lãi 12,7% kể từ ngày 03/8/2018 đến ngày 16/01/2023 là: **3.227.469.919** *(Ba tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm mười chín)* đồng; và lãi 10% từ ngày 17/01/2023 đến ngày 17/02/2023 là: **39.802.740** (*Ba mươi chín triệu, tám trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi)* đồng. Tổng cộng là: **7.786.885.704** *(Bảy tỷ, bảy trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm linh tư)* đồng theo Giấy vay tiền ngày 26/7/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trịnh Việt Q và bà Lưu Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **115.786.886** *(Một trăm mười lăm triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi sáu)* đồng (chưa nộp).

- Bà Ngô Thị Thủy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **58.000.000** *(Năm mươi tám triệu)* đồng theo biên lai thu số 0002913 ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 17 tháng 02 năm 2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung